

技能実習の期間中の待遇に関する重要事項説明書

VĂN BẢN GIẢI THÍCH NỘI DUNG QUAN TRỌNG VỀ ĐÃI NGỘ TRONG THỜI GIAN THỰC TẬP KỸ NĂNG

殿

Kính gửi: Anh/Chị

技能実習の期間中の待遇について、以下のとおり説明します。この内容は重要ですから、十分理解されるようお願いいたします。

Những nội dung về đãi ngộ trong thời gian thực tập kỹ năng được giải thích như dưới đây. Yêu cầu anh/chị hiểu rõ vì đây là những nội dung quan trọng.

1 実習中の待遇 Đãi ngộ trong thời gian thực tập

雇用契約期間、就業（技能実習）の場所、従事すべき業務（職種及び作業）の内容、労働時間等、休日、休暇、賃金、退職に関する事項、宿泊施設に関する事項、その他の事項については、別紙「雇用契約書及び雇用条件書」のとおりです。

Những mục về Thời hạn hợp đồng lao động, Nơi làm việc (thực tập kỹ năng), Nội dung công việc yêu cầu (Loại ngành nghề và công việc), Thời gian lao động, v.v..., Ngày nghỉ, Nghỉ phép, Tiền lương, Thôi việc; Những mục về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm lao động, Nơi ở và những mục khác căn cứ theo “Bản điều kiện lao động” kèm theo.

(注意) 宿泊施設の概要を明らかにするため、当該施設の見取り図を添付すること。

Lưu ý: Phải kèm theo bản vẽ sơ đồ mặt bằng và ảnh, v.v... của nơi ở để làm rõ nội dung chung về nơi ở đó.

2 入国後講習中の待遇 Đãi ngộ trong thời gian đào tạo sau khi nhập cảnh

1 講習手当 (1 か月当たり)	①支給の有無 Phụ cấp	<input type="checkbox"/> 有 (支給額・支給内容) Có (Mức phụ cấp – Nội dung phụ cấp)	<input type="checkbox"/> 無 Không
Phụ cấp đào tạo (Mỗi tháng)	②備考 Ghi chú		
2 食費 (1 か月当たり) Tiền ăn (Mỗi tháng)	①支給の有無 Phụ cấp	<input type="checkbox"/> 有 (支給内容) Có (Nội dung phụ cấp)	<input type="checkbox"/> 無 Không
	②技能実習生の負担の有無 Thực tập sinh kỹ năng chi trả	<input type="checkbox"/> 有 (負担内容) Có (Nội dung chi trả)	<input type="checkbox"/> 無 Không
	③備考 Ghi chú		
3 居住費	①支給の有無 Phụ cấp	<input type="checkbox"/> 有 (支給内容) Có (Nội dung phụ cấp)	<input type="checkbox"/> 無 Không

(1 か月当たり) Tiền thuê nhà (Mỗi tháng)	②技能実習生の負担の有無 Thực tập sinh kỹ năng chi trả	<input type="checkbox"/> 有 (負担内容) <input type="checkbox"/> 無 Có (Nội dung chi trả) Không
	③形態 Loại hình	<input type="checkbox"/> 寮 (寄宿舍) ・ <input type="checkbox"/> 賃貸住宅 ・ <input type="checkbox"/> その他 () Ký túc xá Thuê nhà ở Loại khác
	④名称 Tên gọi	
	⑤所在地 Địa chỉ	〒 — — — — — (電話 — — — — —) (Điện thoại — — — — —)
	⑥規模 Quy mô	面積 (— m ²)、収容人員 (— 人)、1人当たり居室 (— m ²) Diện tích (— m ²), Sức chứa (— người), Phòng cho 1 người (— m ²)
4 その他 Mục khác		

(注意) 4 欄は、1 欄から 3 欄まで以外の諸手当等が支給される場合など特記すべき事項がある場合に記載すること。

Lưu ý: Trường hợp có các nội dung cần đặc biệt đề cập, như được cấp phụ cấp, v.v... ngoài các loại phụ cấp ở cột 1 đến cột 3, thì ghi tại cột 4.

3 実習先変更（団体監理型の場合）

Thay đổi nơi thực tập (Trường hợp loại hình do đoàn thể quản lý)

実習先の変更は、やむを得ない事情がある場合を除き、技能実習生が第2号技能実習の目標（技能検定等3級の実技試験の合格）を達成して第3号技能実習を行うことを希望し、かつ、優良な実習実施者及び優良な監理団体が当該技能実習生の受入れを希望する場合に可能となります。

Trừ trường hợp có lý do không tránh được, việc thay đổi nơi thực tập có thể thực hiện được trong trường hợp thực tập sinh kỹ năng đạt được mục tiêu thực tập kỹ năng số 2 (đậu kỳ thi kỹ năng thực tế cấp 3 như kiểm tra kỹ năng), và có nguyện vọng thực tập kỹ năng số 3, và tổ chức thực hiện thực tập kỹ năng tốt và đoàn thể quản lý tốt có nguyện vọng tiếp nhận thực tập sinh kỹ năng này.

4 その他の事項 Những mục khác

(注意) 特記すべき事項がある場合に記載すること。

Lưu ý: Ghi tại đây nếu có những mục đặc biệt cần phải ghi khác.

以上の内容について説明しました。

Tôi đã giải thích những nội dung trên.

年 月 日
Năm Tháng Ngày

説明者の氏名 (印)

Họ tên người giải thích (đóng dấu)

(申請者（実習実施者）との関係)

(Quan hệ với người làm đơn (Tổ chức thực hiện thực tập kỹ năng))

以上の内容について上記の説明者から説明を受け、その内容を十分に理解しました。

Tôi đã được giải thích và hiểu rõ các nội dung trên.

年 月 日
Năm Tháng Ngày

技能実習生の署名 _____

Chữ ký của thực tập sinh kỹ năng

技能実習の期間中の待遇に関する重要事項説明書

VĂN BẢN GIẢI THÍCH NỘI DUNG QUAN TRỌNG VỀ ĐÃI NGỘ TRONG THỜI GIAN THỰC TẬP KỸ NĂNG

殿

Kính gửi: Anh/Chị

技能実習の期間中の待遇について、以下のとおり説明します。この内容は重要ですから、十分理解されるようお願いいたします。

Những nội dung về đãi ngộ trong thời gian thực tập kỹ năng được giải thích như dưới đây. Yêu cầu anh/chị hiểu rõ vì đây là những nội dung quan trọng.

1 実習中の待遇 đãi ngộ trong thời gian thực tập

雇用契約期間、就業 (技能実習) の場所、従事すべき業務 (職種及び作業) の内容、労働時間等、休日、休暇、賃金、退職に関する事項、宿泊施設に関する事項、その他の事項については、別紙「雇用契約書及び雇用条件書」のとおりです。

Những mục về Thời hạn hợp đồng lao động, Nơi làm việc (thực tập kỹ năng), Nội dung công việc yêu cầu (Loại ngành nghề và công việc), Thời gian lao động, v.v..., Ngày nghỉ, Nghỉ phép, Tiền lương, Thôi việc; Những mục về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm lao động, Nơi ở và những mục khác căn cứ theo “Bản điều kiện lao động” kèm theo.

(注意) 宿泊施設の概要を明らかにするため、当該施設の見取り図を添付すること。

Lưu ý: Phải kèm theo bản vẽ sơ đồ mặt bằng và ảnh, v.v... của nơi ở để làm rõ nội dung chung về nơi ở đó.

2 実習先変更 (団体監理型の場合)

Thay đổi nơi thực tập (Trường hợp loại hình do đoàn thể quản lý)

実習先の変更は、やむを得ない事情がある場合を除き、技能実習生が第 2 号技能実習の目標 (技能検定等 3 級の実技試験の合格) を達成して第 3 号技能実習を行うことを希望し、かつ、優良な実習実施者及び優良な監理団体が当該技能実習生の受入れを希望する場合に可能となります。

Trường hợp có lý do không tránh được, việc thay đổi nơi thực tập có thể thực hiện được trong trường hợp thực tập sinh kỹ năng đạt được mục tiêu thực tập kỹ năng số 2 (đậu kỳ thi kỹ năng thực tế cấp 3 như kiểm tra kỹ năng), và có nguyện vọng thực tập kỹ năng số 3, và tổ chức thực hiện thực tập kỹ năng tốt và đoàn thể quản lý tốt có nguyện vọng tiếp nhận thực tập sinh kỹ năng này.

3 その他の事項 Những mục khác

(注意) 特記すべき事項がある場合に記載すること。

Lưu ý: Ghi tại đây nếu có những mục đặc biệt cần phải ghi khác.

以上の内容について説明しました。

Tôi đã giải thích những nội dung trên.

年 月 日
Năm Tháng Ngày

説明者の氏名 (印)

Họ tên người giải thích (đóng dấu)

(申請者 (実習実施者) との関係)

(Quan hệ với người làm đơn (Tổ chức thực hiện thực tập kỹ năng))

以上の内容について上記の説明者から説明を受け、その内容を十分に理解しました。

Tôi đã được giải thích và hiểu rõ các nội dung trên.

年 月 日
Năm Tháng Ngày

技能実習生の署名 _____

Chữ ký của thực tập sinh kỹ năng